

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 260/2024/KDTM-PT

Ngày: 25/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vận
chuyển hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán : **Bà Dương Tuyết Mai**

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Đào Thị Mai Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 20 và 25/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử
phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 185/TLPT-KDTM
ngày 06/8/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2024/KDTM-ST ngày
07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 528/2024/QĐXX-PT ngày 04/9/2024 giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV D2

Trụ sở: Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 40, tổ D, khu phố F, phường A, thành
phố P, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến D-Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang M. Địa chỉ: Tầng F, tòa nhà T, số
B D, phường Y, quận C, Hà Nội. ĐT: 0385369480 (*Giấy ủy quyền số 23-
10/2023/UQ-GĐ ngày 23/10/2023*)

2. Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên A1

Trụ sở: Km 12+500 đường N, thôn L, xã N, huyện T, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn D1- Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân H- Phó phòng Tài chính Kế

toán Công ty. (Giấy ủy quyền số 653/UQ-CT ngày 13/8/2024)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/03/2021, Công ty TNHH MTV D2 (Sau đây gọi tắt là Công ty D2) và Công ty TNHH một thành viên A1 (Sau đây gọi tắt là Công ty A1) đã tiến hành ký Hợp đồng Vận chuyển số 29/2021/HĐVC về việc: Vận chuyển vật liệu đá các loại từ mỏ đá Trà Đuốc L, A và Cô T tới chân công trình Gói thầu số 3 tại cảng Hàng không quốc tế P, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Với nội dung: Công ty A1 đồng ý thuê và Công ty D2 đồng ý nhận vận chuyển vật liệu đá các loại để đắp đê chắn sóng (300-700) kg từ mỏ đá Antraco, T và Cô T tới chân công trình Gói thầu.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty D2 đã vận chuyển đá từ các mỏ đến công trình P tổng số lượng là: 4022.2 m³ với đơn giá 200.000 đồng/m³, cụ thể:

Lần 1: Công ty D2 đã vận chuyển đá 300 -:- 700 tại các mỏ với số lượng 2.500 m³. Số tiền Công ty A1 cần phải thanh toán lần 01 là: 500.000.000 đồng (Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000047 ngày 22/3/2021).

Lần 2: Công ty D2 đã vận chuyển đá 300 -:- 700 tại các mỏ với số lượng 1.522,2 m³. Số tiền Công ty A1 cần phải thanh toán lần 02 là: 304.440.000 đồng (Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000062 ngày 25/6/2021)

Theo đó, tổng số tiền Công ty A1 cần phải thanh toán là: 804.440.000 đồng.

Sau khi thực hiện xong việc vận chuyển, Công ty D2 đã gửi hồ sơ yêu cầu Công ty A1 thanh toán toàn bộ khoản tiền nhưng phía Công ty A1 đã nhiều lần hứa hẹn, chậm trễ trong việc thanh toán.

Tính đến ngày 19/02/2024, Công ty A1 đã thanh toán cho Công ty D2 số tiền là: 632.227.713 đồng, cụ thể các lần như sau:

- Ngày 09/04/2021, Công ty A1 thanh toán số tiền: 382.221.713 đồng;
- Ngày 07/02/2022, Công ty A1 thanh toán số tiền: 100.000.000 đồng;
- Ngày 14/07/2022, Công ty A1 thanh toán số tiền: 50.000.000 đồng;
- Ngày 18/05/2023, Công ty A1 thanh toán số tiền: 50.000.000 đồng;
- Ngày 19/02/2024, Công ty A1 thanh toán số tiền: 50.000.000 đồng.

Số tiền Công ty A1 chưa thanh toán cho Công ty D2 là **172.212.287 đồng**.

Công ty D2 đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết yêu cầu sau:

- Chấm dứt Hợp đồng Vận chuyển số 29/2021/HĐVC về việc: Vận chuyển vật liệu đá các loại từ mỏ đá Trà Đuốc L, A và Cô T tới chân công trình Gói thầu số 3 cảng HKQT P, thành phố P, tỉnh Kiên Giang giữa Công ty TNHH một thành viên A1 và Công ty D2 N P.

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên A1 trả số tiền **172.212.287 đồng** cho Công ty D2.

- Công ty D2 yêu cầu Công ty A1 trả lãi chậm trả đối với khoản tiền trên tính từ 01/7/2021 (sau thời điểm xuất hóa đơn 05 ngày) đến khi vụ án được đưa ra xét xử với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng):

+ Tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày 19/02/2024, tiền lãi chậm trả là 222.212.287 đồng x 10%/năm x 2 năm 07 tháng 18 ngày = 58.501.000 đồng.

+ Tính từ ngày 19/02/2024 đến ngày 06/3/2024, tiền lãi chậm trả là 172.212.287 đồng x 10%/năm x 16 ngày = 755.000 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 231.468.287 đồng.

Công ty A1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các điều kiện trả nợ của Công ty A1, Công ty D2 có phương án hòa giải là đồng ý miễn giảm lãi chậm trả cho Công ty A1, chỉ yêu cầu Công ty A1 trả 30.000.000 đồng tiền lãi, Công ty A1 có trách nhiệm trả tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 15/5/2024. Tuy nhiên, Công ty A1 không đồng ý với thỏa thuận trên, nên các bên không hòa giải được với nhau.

2. Bị đơn là Công ty TNHH Một thành viên 17 do đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty A1 xác nhận Công ty A1 và Công ty D2 đã ký Hợp đồng Vận chuyển số 29/2021/HĐVC về việc: Vận chuyển vật liệu đá các loại từ mỏ đá Trà Đuốc L, A và C tới chân công trình Gói thầu số 3 cảng Hàng không quốc tế P, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Nội dung hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng và thanh toán hợp đồng đúng như Công ty D2 trình bày.

Công ty A1 khẳng định không nhận được biên bản đối chiếu công nợ và biên bản ghi nhận **công nợ ngày 25/6/2021** của Công ty D2. Hai bên cũng không ký đối chiếu xác nhận công nợ và chưa có buổi làm việc nào xác nhận công nợ. Tuy nhiên, Công ty A1 xác nhận, tính đến ngày 17/4/2024, Công ty A1 còn nợ Công ty D2 số tiền gốc là: **172.212.287 đồng**.

Công ty A1 có phương án trả nợ cho Công ty D2 là sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Công ty D2 trong tháng 5/2024 đề nghị Công ty D2 miễn toàn bộ tiền lãi chậm trả.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi chậm trả, cụ thể như sau: Công ty D2 xác định lãi quá hạn là 8,2%/năm. Tổng số tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 07/05/2024 là: **69.350.285 đồng**.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là: **241.562.572 đồng**.

- Bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Đồng ý chấm dứt hợp đồng vận chuyển giữa hai bên, đồng ý trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn nhưng cần có thời gian để thu xếp trả nợ và không đồng ý trả lãi chậm trả.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2024/KDTM-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện TT, Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D2.

1.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc chấm dứt Hợp đồng vận chuyển số 29/2021/HĐVC ngày 03/3/2021 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D2 và Công ty TNHH Một thành viên 17.

1.2. Buộc Công ty TNHH Một thành viên 17 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D2 số tiền nợ gốc: **172.212.287 đồng**; lãi chậm trả: **18.028.884 đồng**. Tổng cộng: **190.241.162 đồng**.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung kháng cáo

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty D2 (nguyên đơn) có đơn kháng cáo đối với một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2024/KDTM-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện TT về phần tiền lãi chậm trả, với lý do: *Không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định áp dụng tính lãi chậm trả đối với khoản tiền nợ gốc mà Công ty A1 phải trả kể từ ngày 16/5/2023. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Yêu cầu tính lãi đối với số tiền mà Công ty TNHH MTV A1 chưa thanh toán từ ngày 01/7/2021, với tổng số tiền lãi là 72.638.628 đồng.*

Ngoài đơn kháng cáo, người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

5. Tại cấp phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong quá trình xét hỏi và tranh tụng, Công ty A1 và Công ty D2 đã hòa giải, tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận cho các đương sự.

Nội dung thỏa thuận như sau:

- Công ty TNHH Một thành viên A1 thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D2 số tiền nợ gốc: 157.806.832 đồng; lãi chậm trả: 30.000.000 đồng. Tổng cộng: **187.806.832 đồng**;

- Hai bên cam kết sẽ không khiếu nại, khiếu kiện, không còn nợ nần, vướng mắc gì và tiến hành thanh lý chấm dứt Hợp đồng vận chuyển số 29/2021/HĐVC ngày 03/3/2021;

- Phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ do Công ty TNHH Một thành viên A1 nộp theo quyết định tại bản án có hiệu lực của Tòa án.

- Hai bên cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/KDTM-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội theo nội dung thỏa thuận nêu trên;

Sau khi thống nhất thỏa thuận, Công ty TNHH Một thành viên A1 đã thanh toán cho Công ty D2 toàn bộ số tiền **187.806.832 đồng**. Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D2 xác nhận đã nhận đầy đủ số tiền nêu trên.

Ngoài nội dung trên các bên không thỏa thuận thêm nội dung gì khác.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, đã được xác định bằng chữ ký và con dấu của những người có thẩm quyền. Hợp đồng đã được các bên tự nguyện thực hiện và thanh toán hợp đồng nên được xác định là hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty D2 và Công ty A1 đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

Ngày 20/5/2024, Tòa án nhân dân huyện TTnhận được đơn kháng cáo đề ngày 17/5/2024 của nguyên đơn là Công ty D2 kháng cáo đối với một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2024/KDTM-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì. Các Đơn kháng cáo do người đại diện theo ủy quyền của Công ty ký (*theo Giấy ủy quyền thì người được ủy quyền được quyền kháng cáo*). Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt theo Giấy triệu tập nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa ngày 20/9/2024, Công ty D2 và Công ty A1 đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để hai bên hòa giải và tự thỏa thuận với nhau về việc thanh toán.

Trong thời gian tạm dừng phiên tòa, Công ty D2 và Công ty A1 đã hòa giải và tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 185/TLPT-KDTM ngày 06/8/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa”. Sau khi thống nhất thỏa thuận, Công ty TNHH Một thành viên A1 đã thanh toán cho Công ty D2 toàn bộ số tiền **187.806.832 đồng**. Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D2 xác nhận đã nhận đầy đủ số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm được mở lại ngày 25/9/2024, Công ty D2 và Công ty A1 tự nguyện thống nhất lập biên bản tự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận cho các đương sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên của Công ty D2 và Công ty A1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Các bên đều đã thống nhất được việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên. Do đó, căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

Về án phí: Do tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, khoản 3 Điều 284, Điều 299, Điều 300, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 74, Điều 297, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2024/KDTM-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện TT, Hà Nội. Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của Công ty TNHH Một thành viên D2 và Công ty TNHH Một thành viên A1 về việc giải quyết vụ án Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa của Hợp đồng Vận chuyển số 29/2021/HĐVC ngày 03/3/2021. Cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một thành viên A1 phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D2 số tiền nợ gốc: 157.806.832 đồng; lãi chậm trả: 30.000.000 đồng. Tổng cộng: **187.806.832 đồng** (Một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm linh sáu nghìn tám trăm ba mươi hai đồng)

Xác nhận Công ty TNHH Một thành viên A1 đã thanh toán đủ số tiền **187.806.832 đồng** cho Công ty TNHH Một thành viên D2.

- Công ty TNHH Một thành viên D2 và Công ty TNHH Một thành viên A1 thống nhất xác định không khiếu nại, khiếu kiện, không còn nợ nần, vướng mắc gì và tiến hành thanh lý chấm dứt Hợp đồng Vận chuyển số 29/2021/HĐVC ngày 03/3/2021.

2. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

Công ty TNHH Một thành viên A1 phải chịu **9.390.342 đồng** (chín triệu ba trăm chín mươi nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH Một thành viên D2 tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm **6.800.000 đồng** (đã nộp theo biên lai số 0006950 ngày 26/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT).

- *Án phí phúc thẩm:*

Công ty TNHH Một thành viên D2 phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm **2.000.000 đồng** (Hai triệu đồng) (đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007257 ngày 14/6/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuấn

Dương Tuyết Mai

Bùi Đức Bằng

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND H.TT;
- Chi cục THADS Q.TT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

Bùi Đức Bằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuấn

Dương Tuyết Mai

Bùi Đức Bằng